

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 02 năm 2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thị Mỹ Hằng**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Tấn Phước** và ông **Huỳnh Tài Em**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Dung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Mỹ Tiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 292/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Thạch Thị T**, sinh năm 1999. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

* Bị đơn: Ông **Sơn Đ**, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Thạch Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đ tự nguyện quen biết trên tinh thần tự nguyện, chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 01/12/2017. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do gia đình ông Đ1 (cha mẹ chồng) khó khăn, không hợp tính tình nên bà không thể sống chung với cha mẹ chồng; bà có yêu cầu ông Đ ra riêng nhưng ông Đ1 không đồng ý; thời gian sống chung tình trạng mâu thuẫn giữa bà và ông Đ1 ngày càng gay gắt; vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ năm 2020 đến nay, bà đã không còn sống chung (đã ly thân) với ông Đ1; từ khi ly thân đến nay vợ chồng không lần nào liên lạc. Hiện nay, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được; vợ chồng không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, không thể nào hàn gắn được; việc tiếp tục chung sống chỉ làm khổ cho cả hai người. Nay bà không còn tình cảm vợ chồng với ông Đ và tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng nên bà cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Đ có 01 con chung tên Sơn Đ2, sinh ngày 05/6/2017 (Hiện cháu Đ2 đang sống chung với ông Đ). Ngoài ra ông bà không còn con chung nào khác. Nay ly hôn bà đồng ý giao cháu Đ2 cho ông Đ trực tiếp nuôi. Lý do bà đồng ý giao con chung cháu Đ2 cho ông Đ là vì: Từ nhỏ đến nay thì cháu Đ2 đã quen sống chung với ông Đ và bên nội; hiện nay bà và ông Đ cũng đã ly thân; cháu Đ2 đang sống, học tập yên ổn bên ông Đ; đồng thời bà thấy ông Đ chăm sóc tốt cho cháu Đ2 nên bà tự nguyện đồng ý giao cháu Đ2 cho ông Đ trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Sơn Đ có ý kiến trình bày tại biên bản xác minh:*

Về hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện quen biết trên tinh thần tự nguyện, chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 01/12/2017. Quá trình sống chung có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân hơn 06 năm nay (Bà T đã về bên cha mẹ ruột sống). Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính tình. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn. Lý do, mặc dù ông không còn tình cảm với bà T nhưng bà T tự ý bỏ nhà đi, không quan tâm đến con nên ông không muốn ly hôn, cứ để vậy, ông cũng không có biện pháp hàn gắn vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên Sơn Đ2, sinh ngày 05/6/2017 (hiện cháu Đ2 đang sống chung cùng với ông). Ông không đồng ý ly hôn, trường hợp phải ly hôn thì ông yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Đ2.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Bình phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu

cầu ly hôn của bà Thạch Thị T đối với ông Sơn Đ, cho bà T được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Giao con chung tên Sơn Đ2, sinh ngày 05/6/2017 cho ông S Đẹt trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Thạch Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu trực tiếp nuôi con, đối với bị đơn là ông Đ. Ông Đ có địa chỉ cư trú tại huyện H, tỉnh Bạc Liêu, đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ khoản 1, 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1.1] Bà T và ông Đ tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 01/12/2017 nên hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3.1.2] Bà T xác định, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020. Nay bà đã không còn tình cảm với ông Đ và không thể hàn gắn được với ông Đ nên cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

[3.1.3] Còn phía ông Đ xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân hơn 06 năm nay; ông không còn tình cảm với bà T nhưng không muốn ly hôn. Lý do là vì bà T tự ý bỏ nhà đi, không quan tâm đến con nên ông không muốn ly hôn, cứ để vậy và ông cũng không có biện pháp hàn gắn vợ chồng.

[3.1.4] Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân phải xây dựng trên nền tảng tình cảm và tình cảm phải xuất phát từ cả hai phía; vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Mặt khác hôn nhân được duy trì bền vững lâu dài và hạnh phúc là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên. Bản thân ông Đ không

đồng ý ly hôn nhưng bản thân ông Đ xác định đã sống ly thân, không còn tình cảm với bà T. Bà T xác định không thể tiếp tục chung sống, không còn tình cảm với ông Đ nên cương quyết yêu cầu được ly hôn, chứng tỏ sự rạn nứt trong quan hệ hôn nhân của cả hai không có khả năng hàn gắn lại được, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn thế nữa, việc hàn gắn đoàn tụ phải trên cơ sở tự nguyện phải xuất phát từ cả hai phía. Từ phân tích trên, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Đ, cho bà T được ly hôn với ông Đ.

[3.2] Về con chung: Bà T và ông Đ có một con chung tên Sơn Đ2, sinh ngày 05/6/2017 (hiện cháu Đ2 đang ở chung với ông Đ). Ngoài ra không còn con chung, con nuôi nào khác.

[3.2.1] Tại biên bản tiếp xúc ghi nhận ý kiến con chưa thành niên cháu Sơn Đ2, sinh ngày 05/6/2017, cháu Đ2 có nguyện vọng muốn sống chung cùng cha. Quá trình giải quyết vụ án bà T đồng ý giao con chung tên cho ông Đ trực tiếp nuôi. Phía ông Đ cũng có ý kiến yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Sơn Đ2, sinh ngày 05/6/2017 cho ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

[3.2.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông Đ thống nhất xác định tự thỏa thuận, không cần nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Bà T và ông Đ thống nhất xác định không có, không cần nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà T và ông Đ thống nhất xác định không có, không cần nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng: Bà T yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng.

[5] Chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 53, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thạch Thị T đối với ông Sơn Đ. Cho bà Thạch Thị T ly hôn với ông Sơn Đ.

2. Về con chung:

Bà Thạch Thị T và ông Sơn Đ có 01 con chung tên Sơn Đ2, sinh ngày 05/6/2017 (Hiện cháu Đ2 đang sống chung với ông Đ).

Giao con chung tên Sơn Đ2, sinh ngày 05/6/2017 cho ông S Đẹt trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Thạch Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình:

Bà Thạch Thị T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Thạch Thị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005640 ngày 10/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- CCTHADS huyện Hòa Bình;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thị Mỹ Hằng